

# Một số vấn đề xã hội cơ bản trong quá trình phát triển ở Việt Nam hiện nay

Nguyễn Tuấn Anh<sup>(\*)</sup>

**Tóm tắt:** Bài viết bàn về các vấn đề xã hội ở Việt Nam, tập trung vào hai nội dung chính. Nội dung thứ nhất tìm hiểu một số vấn đề xã hội cơ bản. Nội dung thứ hai đề xuất định hướng giải quyết những vấn đề xã hội cơ bản này. Dưới một góc nhìn nhất định, bài viết góp phần mở rộng sự hiểu biết đối với các vấn đề xã hội trong quá trình phát triển của Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Việt Nam, Vấn đề xã hội, Chính sách xã hội

**Abstract:** This paper discusses social issues in Vietnam, focusing on two main points including basic social issues and possible solutions. From a certain perspective, the paper contributes to providing knowledge about social issues in the development process of Vietnam today.

**Keywords:** Vietnam, Social Problem, Social Policy

## 1. Tính tất yếu của sự nảy sinh, tồn tại các vấn đề xã hội cơ bản

35 năm đổi mới vừa qua (1986-2020) là chặng đường quá độ rất quan trọng đối với sự phát triển toàn diện của Việt Nam. Trên thực tế, qua hơn ba thập kỷ đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu lớn trên nhiều phương diện. Từ một nước nghèo, Việt Nam trở thành một nước có thu nhập trung bình với nền kinh tế thị trường năng động, hội nhập mạnh mẽ, sâu rộng vào hệ thống kinh tế toàn cầu (Nhóm Ngân hàng Thế giới và Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2016). Tuy nhiên, bên cạnh nhiều thành tựu nổi bật, trong tiến trình phát triển của Việt

Nam 35 năm vừa qua, nhiều vấn đề xã hội cơ bản cũng nảy sinh, biến đổi và gia tăng mức độ tác động tiêu cực.

Logic tất yếu của sự nảy sinh, tồn tại các vấn đề xã hội trong quá trình đổi mới ở Việt Nam bắt nguồn từ tăng trưởng kinh tế mà quá trình này mang lại. Đổi mới mang lại sự tăng trưởng kinh tế đất nước mạnh mẽ, thu nhập và mức sống của người dân tăng lên. Minh chứng cụ thể là năm 2010, quy mô tổng sản phẩm trong nước (GDP) tính theo giá thực tế đạt 101,6 tỷ USD, gấp 3,26 lần so với năm 2000; GDP bình quân đầu người đạt 1.168 USD (Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, 2011). Năm 2015, GDP đạt 193,4 tỷ USD, bình quân đầu người khoảng 2.109 USD (Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, 2016b). Năm 2018, GDP đạt 5.535,3 nghìn tỷ đồng,

---

<sup>(\*)</sup> PGS.TS., Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội;  
Email: nguyentuananhushh@vnu.edu.vn

gấp 2 lần quy mô GDP năm 2011. GDP bình quân đầu người năm 2018 ước tính đạt 58,5 triệu đồng, tương đương 2.587 USD, tăng 198 USD so với năm 2017 (Tổng cục Thống kê, 2018). Trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế và cải thiện thu nhập, mức sống của người dân như thế, sự phân hóa xã hội đã diễn ra mạnh mẽ. Biểu hiện cụ thể của sự phân hóa xã hội là phân tầng xã hội trên nhiều phương diện khác nhau như: phân tầng xã hội về thu nhập, phân tầng xã hội về chi tiêu, phân tầng xã hội về tài sản và nhà ở. Hệ quả của phân tầng xã hội là phân cực giàu nghèo, bất bình đẳng xã hội. Cùng với đó, những vấn đề xã hội khác phát sinh liên quan đến an sinh xã hội như các vấn đề liên quan đến lao động việc làm, bảo hiểm xã hội, bảo trợ xã hội (Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Tuấn Anh, 2014; Phạm Quang Minh, 2019; Phạm Quang Minh, Nguyễn Tuấn Anh, 2019).

Trước thực tiễn đó, cùng với đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội cơ bản có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển ở Việt Nam hiện nay. Tầm quan trọng của việc giải quyết các vấn đề xã hội được thể hiện trên ba phương diện. *Thứ nhất*, giải quyết các vấn đề xã hội cơ bản là tạo điều kiện cho tăng trưởng kinh tế. Bởi vì, những vấn đề xã hội cơ bản không được giải quyết sẽ sinh ra các rào cản đối với việc huy động và sử dụng vốn kinh tế, vốn con người, vốn xã hội, vốn văn hóa để phát triển kinh tế. *Thứ hai*, giải quyết các vấn đề xã hội để giữ vững ổn định xã hội. Bởi vì, những vấn đề xã hội cơ bản không được quyết giải kịp thời, hiệu quả thì sẽ tạo nên căng thẳng, bất ổn xã hội. *Thứ ba*, giải quyết các vấn đề xã hội để đảm bảo an ninh con người, nâng cao chất lượng sống của nhân dân, tạo điều kiện phát huy đầy đủ tiềm năng con người

của mỗi cá nhân trong xã hội. Bởi vì, những vấn đề xã hội cơ bản không được giải quyết sẽ làm giảm chất lượng sống của người dân và gây bất lợi đối với việc phát triển con người. Vì vậy, việc nhận diện và giải quyết các vấn đề xã hội cơ bản là hết sức quan trọng đối với Việt Nam trong quá trình phát triển hiện nay.

## **2. Thực tiễn giải quyết một số vấn đề xã hội cơ bản**

Trên thực tế, trong mấy thập kỷ vừa qua, Việt Nam đã đạt được những kết quả hết sức quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề xã hội cơ bản. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã nhận định: “Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, dân tộc, tôn giáo để giải quyết các vấn đề xã hội... Ngân sách nhà nước dành cho các chương trình quốc gia nhằm thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội gia tăng hằng năm. Việt Nam đã hoàn thành hầu hết và cơ bản các Mục tiêu Thiên niên kỷ. Đặc biệt là đã thực hiện tốt chỉ tiêu giảm nghèo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thực hiện nhiều chính sách để ổn định, từng bước nâng cao đời sống nhân dân. Quan tâm thực hiện chính sách chăm sóc người có công. Đã thực hiện có hiệu quả nhiều chính sách đối với người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em, phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, giảm nghèo bền vững, chăm sóc sức khỏe cho người dân, đồng thời tạo điều kiện để người dân chủ động phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro trong đời sống, kinh tế, xã hội và môi trường. Đời sống và thu nhập của người dân không ngừng được nâng lên” (Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, 2016a).

Mặc dù đạt được nhiều thành tựu quan trọng như vậy, nhưng Báo cáo cũng chỉ rõ: “Quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội còn nhiều hạn chế, khuyết điểm. Sự phát triển các lĩnh vực, các vùng, miền thiếu đồng bộ. Việc giải quyết một số vấn đề xã hội chưa hiệu quả; mục tiêu xây dựng quan hệ hài hòa giữa các lĩnh vực, ngành nghề, vùng, miền chưa đạt yêu cầu; giảm nghèo chưa bền vững, chênh lệch giàu - nghèo và bất bình đẳng có xu hướng gia tăng. Chưa nhận thức đầy đủ vai trò của phát triển xã hội hài hòa, chưa có chính sách, giải pháp kịp thời, hiệu quả đối với vấn đề biến đổi cơ cấu, phân hóa giàu - nghèo, phân tầng xã hội, kiểm soát rủi ro, giải quyết mâu thuẫn xã hội, bảo đảm an toàn xã hội, an ninh cho con người” (Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, 2016a). “Nhiều vấn đề bức xúc nảy sinh, nhất là các vấn đề xã hội và quản lý xã hội chưa được nhận thức đầy đủ và giải quyết có hiệu quả; còn tiềm ẩn những nhân tố và nguy cơ mất ổn định xã hội. Trên một số mặt, một số lĩnh vực, một bộ phận nhân dân chưa được thụ hưởng đầy đủ, công bằng thành quả của công cuộc đổi mới” (Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, 2016a).

Trên thực tế, kết quả của các công trình nghiên cứu cũng chỉ ra một số vấn đề xã hội cơ bản. *Trước hết là phân cực giàu nghèo*, được thể hiện giữa các vùng miền, giữa nông thôn và đô thị và giữa các nhóm dân tộc. *Thứ hai là phân tầng xã hội và bất bình đẳng xã hội*, cụ thể là trên phương diện kinh tế; phương diện tiếp cận giáo dục; phương diện tiếp cận dịch vụ y tế. *Thứ ba là vấn đề việc làm* còn có những hạn chế nhất định liên quan đến đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động. *Thứ tư là việc tham gia bảo hiểm tự nguyện* ở nhiều

địa phương còn hạn chế. Thêm nữa, nhiều doanh nghiệp nhỏ chưa thể thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong việc đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động. *Thứ năm là bảo trợ xã hội* được thực hiện tốt trên nhiều phương diện nhưng chế độ đối với các đối tượng bảo trợ xã hội chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu cuộc sống của họ. *Thứ sáu là mâu thuẫn, xung đột xã hội*, trong đó đáng lưu ý bao gồm mâu thuẫn, xung đột xã hội liên quan đến đất đai, mâu thuẫn xung đột giữa công nhân và chủ doanh nghiệp, mâu thuẫn xung đột trong các cộng đồng dân cư liên quan đến các vấn đề xã hội tại địa phương (Phạm Quang Minh, 2020).

Trước những vấn đề xã hội này, nhu cầu thực tiễn đặt ra là phải tiếp tục giải quyết các vấn đề xã hội một cách hiệu quả nhằm giảm những rủi ro, đảm bảo an toàn xã hội, an ninh con người. Tức là đảm bảo nền tảng vững chắc cho sinh tồn, sinh kế và phẩm giá của con người; để các cá nhân có đầy đủ điều kiện cho việc phát huy tiềm năng con người của mình một cách toàn diện.

### **3. Đề xuất định hướng giải quyết một số vấn đề xã hội cơ bản**

Từ các vấn đề xã hội cơ bản trong thực tiễn quá trình phát triển ở Việt Nam đã được đề cập ở trên, một số điểm đáng lưu ý trong việc giải quyết những vấn đề xã hội cơ bản cụ thể như sau:

*Thứ nhất là, đổi mới thể chế một cách đồng bộ.* Đây là một trong những yêu cầu quan trọng để giải quyết các vấn đề xã hội. Việc đổi mới thể chế phải mang tính toàn diện, tổng thể và đổi mới phải đồng bộ cả thể chế kinh tế lẫn thể chế chính trị để tạo nên sự cân bằng, hài hòa (Phạm Quang Minh, Nguyễn Tuấn Anh, 2019: 226). Việc đổi mới thể chế tổng thể, cân bằng giữa thể chế kinh tế và thể chế chính trị mới mang lại hiệu quả trên thực tế và trên phạm vi

rộng. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã chỉ ra rằng: “Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhất là hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tiếp tục được hoàn thiện. Vai trò, hiệu quả, sức cạnh tranh của các chủ thể kinh tế, các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế được nâng lên. Môi trường đầu tư và kinh doanh được cải thiện, bình đẳng và thông thoáng hơn” (Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, 2016a). Tuy nhiên, về thể chế chính trị, Báo cáo chính trị chỉ ra rằng: “Đổi mới chính trị chưa đồng bộ với đổi mới kinh tế; năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa ngang tầm nhiệm vụ” (Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, 2016a). Như vậy, đổi mới thể chế chính trị chưa cân bằng với đổi mới thể chế kinh tế. Vấn đề quan trọng là cần tiếp tục đổi mới thể chế chính trị để tạo nên sự cân bằng trong đổi mới thể chế ở Việt Nam. Đó là cơ sở quan trọng cho việc giải quyết các vấn đề xã hội, mang lại sự phát triển nhanh và bền vững cho Việt Nam trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

*Thứ hai là, nâng cao chất lượng thể chế.* Để nâng cao chất lượng thể chế cần chú trọng ba điểm, cụ thể là nâng cao trách nhiệm giải trình của thể chế; đảm bảo minh bạch của thể chế; và ban hành đầy đủ đồng thời với việc thực hiện nhất quán chính sách, luật pháp trong giải quyết các vấn đề xã hội (Root, 1995). *Trách nhiệm giải trình* của thể chế là trách nhiệm và ứng xử của thể chế đối với nhu cầu của công dân. Cụ thể là cấu trúc các cơ quan nhà nước phải đủ linh hoạt để thiết kế và thực hiện có hiệu quả các chương trình, các dự án nhằm giải quyết các vấn đề xã hội. Ngoài ra, trách nhiệm giải trình của thể chế còn thể hiện

qua việc thiết lập hệ thống các tiêu chí để đo lường sự thực thi nhiệm vụ của những người làm việc trong các cơ quan nhà nước và cơ chế để đảm bảo những tiêu chí đó được thực hiện. Thêm nữa, trách nhiệm giải trình của thể chế còn phản ánh cơ chế đánh giá sự thực thi nhiệm vụ của thiết chế (Phạm Quang Minh, Nguyễn Tuấn Anh, 2019: 228). *Minh bạch* thể hiện qua việc sẵn có thông tin dành cho công chúng cũng như sự rõ ràng của các quy định, quyết định của các cơ quan nhà nước. Minh bạch giúp giảm bớt sự thiếu chắc chắn và ngăn chặn tham nhũng của những người làm việc trong hệ thống các cơ quan nhà nước (Phạm Quang Minh, Nguyễn Tuấn Anh, 2019: 228). *Tính nhất quán trong việc áp dụng chính sách, luật pháp*, được thể hiện qua sự đầy đủ của chính sách, luật pháp và sự công bằng cũng như nhất quán trong việc áp dụng chính sách, pháp luật. Những cơ sở này giúp mọi người biết được, dự đoán được những cách thức hành động, quyết định và kết quả, hệ quả của các hành động, quyết định của những người có thẩm quyền làm việc trong các cơ quan nhà nước (Phạm Quang Minh, Nguyễn Tuấn Anh, 2019: 228). Đây là ba điểm quan trọng giúp nâng cao chất lượng thể chế để giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội (Liu, 2014).

*Thứ ba là, chuyển từ cơ chế quản lý phát triển xã hội sang cơ chế quản trị phát triển xã hội trong việc giải quyết các vấn đề xã hội.* Trên thực tế, Việt Nam mới chủ yếu chú trọng quản lý phát triển xã hội trong việc giải quyết các vấn đề xã hội. Cụ thể là vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước và các tổ chức đoàn thể trong quản lý phát triển xã hội được thể hiện trên nhiều phương diện (Phạm Quang Minh, Nguyễn Tuấn Anh, 2019: 233). Trước hết, chủ trương, đường lối, chính

sách, luật pháp luôn thể hiện rõ vai trò của Đảng và Nhà nước cùng các tổ chức đoàn thể trong giải quyết bất bình đẳng xã hội, phân cực giàu nghèo, phân tầng xã hội, mâu thuẫn xung đột xã hội; giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an ninh con người, an sinh xã hội (Phạm Quang Minh, Nguyễn Tuấn Anh, 2019: 233). Minh chứng cụ thể là thực tế quá trình thực hiện các chính sách xã hội, các chương trình nhằm giải quyết những vấn đề xã hội cơ bản đã mang lại nhiều kết quả tích cực (Phạm Quang Minh, 2019). Điểm quan trọng nữa là các nguồn lực để giải quyết những vấn đề xã hội cũng chủ yếu đến từ khu vực nhà nước. Như vậy, trên thực tế quản lý phát triển xã hội nhấn mạnh đến việc Nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, giải quyết các vấn đề xã hội để thúc đẩy phát triển xã hội bền vững, công bằng. Tuy nhiên, để hiệu quả của việc giải quyết các vấn đề xã hội được nâng cao hơn nữa thì cần có sự hợp tác, phối hợp tốt hơn giữa chính quyền, tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng và các cá nhân trên nền tảng của thị trường. Đó chính là cơ chế quản trị phát triển xã hội - quá trình Chính phủ, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng và các cá nhân là những đối tác hợp tác bình đẳng để điều chỉnh và quản lý các vấn đề xã hội (Phạm Quang Minh, Nguyễn Tuấn Anh, 2019: 229-233). Trong quá trình quản trị xã hội, vai trò của Chính phủ, thị trường và xã hội cùng tồn tại. Tuy nhiên, quyền lực của Chính phủ, thị trường và xã hội không cân bằng. Vì thế, ba cách thức của quản trị xã hội có thể là: *Một*, thị trường là trung tâm. Con đường này nhấn mạnh đến cơ chế cạnh tranh, quản lý doanh nghiệp, công nghệ; *Hai*, Nhà nước là trung tâm. Con đường này nhấn mạnh đến tương tác giữa các tổ

chức công và vai trò quan trọng của Nhà nước; *Ba*, xã hội là trung tâm. Con đường này nhấn mạnh đến sự tương tác giữa các tổ chức công và xã hội với việc ra quyết định nên từ dưới lên và phản ánh ý kiến của đại chúng, công chúng (Phạm Quang Minh, Nguyễn Tuấn Anh, 2019: 229-231). Điều quan trọng là tùy vào từng vấn đề xã hội cụ thể mà một trong ba lựa chọn trên có thể được vận dụng để giải quyết vấn đề xã hội cụ thể đó. Như vậy, nhìn một cách tổng thể, cơ chế quản trị xã hội dựa trên cơ sở hợp tác giữa chính quyền, tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng và các cá nhân sẽ giúp huy động và sử dụng hiệu quả nhiều loại nguồn lực, bao gồm: vốn kinh tế, vốn con người, vốn xã hội, vốn văn hóa trong việc giải quyết các vấn đề xã hội (Phạm Quang Minh, 2019). Vì vậy, định hướng quan trọng là chuyển từ quản lý phát triển xã hội sang quản trị phát triển xã hội để giải quyết các vấn đề xã hội một cách phù hợp, hiệu quả, hiệu lực, có giá trị nhằm thúc đẩy phát triển xã hội bền vững, công bằng (Xem: Liu, 2014).

*Thứ tư là, tích hợp các chính sách xã hội để giải quyết hiệu quả các vấn đề xã hội nhằm đảm bảo an sinh xã hội, an ninh con người.* Kết quả nghiên cứu từ thực tế chỉ ra rằng việc tổ chức thực hiện các chính sách xã hội, bao gồm: chính sách về lao động việc làm, chính sách bảo hiểm xã hội, chính sách trợ giúp xã hội, chính sách giảm nghèo, giảm bất bình đẳng và phân tầng xã hội đã mang lại nhiều tác động tích cực (Phạm Quang Minh, 2019: 37-130). Tuy nhiên, thực tế ban hành chính sách xã hội và tổ chức thực hiện các chính sách xã hội ở Việt Nam trong những năm qua còn có tồn tại nhất định. Đó là tình trạng chồng chéo về chính sách. Thực tế này không chỉ diễn ra giữa các chính sách khác nhau, mà

còn diễn ra trong cùng một hệ thống chính sách. Hệ quả là gia tăng sự lãng phí trong quản lý điều hành; phân tán các nguồn lực; giảm tính chủ động và tăng tính ỷ lại ở nhiều nhóm đối tượng hưởng thụ chính sách. Thực tế này làm giảm hiệu quả của việc giải quyết các vấn đề xã hội (Phạm Quang, 2019). Vì vậy, yêu cầu thực tế đặt ra là cần tích hợp các chính sách xã hội nhằm giải quyết tốt hơn các vấn đề xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, an ninh con người.

*Thứ năm, xây dựng hệ thống đăng ký xã hội tích hợp trên cơ sở công nghệ hiện đại làm nền tảng cho việc triển khai các chính sách xã hội nhằm giải quyết những vấn đề xã hội cơ bản* (Xem: Bartholo, Mostafa and Osorio, 2018; The World Bank, 2017). Đây là hệ thống dựa trên cơ sở dữ liệu số về mã số công dân. Hệ thống này chứa đựng toàn bộ dữ liệu liên quan đến an sinh xã hội của công dân, từ sức khỏe, học vấn, nghề nghiệp, việc làm, cho đến bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, nhà ở, v.v... Hệ thống này cũng liên thông với các hệ thống chi trả tập trung như ngân hàng, bảo hiểm, v.v... (Xem: Bartholo, Mostafa and Osorio, 2018; The World Bank, 2017). Trên cơ sở hệ thống tích hợp đó, các cơ quan, tổ chức nhà nước tổ chức thực hiện các chính sách xã hội hướng đến giải quyết từng vấn đề xã hội cụ thể; bởi vì hệ thống này làm nền tảng cho việc cung cấp dịch vụ an sinh xã hội mang tính cá nhân hóa, toàn diện, cụ thể, đồng bộ; đồng thời với việc quản lý vĩ mô các vấn đề xã hội; thông qua cơ chế đăng ký, nhận dạng, chi trả, tiếp cận dịch vụ giữa công dân và các cơ quan nhà nước, các tổ chức liên quan (Bartholo, Mostafa and Osorio, 2018; The World Bank, 2017). Đây là nền tảng quan trọng để giải quyết hiệu quả các vấn đề xã hội □

## Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X (2011), “Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng”, *Cổng thông tin điện tử Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*, <http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/NuocCHX-HCNVietNam/ThôngTinTongHop/noidungvankiendaihoi dang?category-Id=10000716&articleId=10038382>, truy cập tháng 1/2018.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (2016a), “Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng”, *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xii/bao-cau-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xi-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-1600>, truy cập tháng 01/2018.
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (2016b), “Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng”, *Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xii>, truy cập tháng 01/2019.
4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (2016b), “Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 tại Đại hội Đại

- biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng”, *Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xii>, truy cập tháng 01/2019.
5. Bartholo, Letícia, Mostafa, Joana, and Osorio, Rafael Guerreiro (2018), “Integration of administrative records for social protection policies: contributions from the Brazilian experience”, *International Policy Centre for Inclusive Growth (IPC-IG). Working paper number 169 may, 2018, ISSN 1812-108x*, [https://www.ipc-undp.org/pub/eng/WP169\\_Integration\\_of\\_administrative\\_records\\_for\\_social\\_protection\\_policies.pdf](https://www.ipc-undp.org/pub/eng/WP169_Integration_of_administrative_records_for_social_protection_policies.pdf), truy cập tháng 01/2019.
  6. Liu, Jinfa (2014), “From social management to social governance: social conflict mediation in China”, *Journal of Public Affairs*, 14(2): 93-104.
  7. Nguyễn Văn Khánh và Nguyễn Tuấn Anh (2014), “Biến đổi cơ cấu xã hội Việt Nam trong thời kỳ đổi mới”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, 79(6): 87-94.
  8. Phạm Quang Minh (Chủ biên, 2019), *Quản lý phát triển xã hội Việt Nam: Thực trạng, vấn đề đặt ra và định hướng chính sách*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
  9. Phạm Quang Minh, Nguyễn Tuấn Anh (2019), “Thế chế và quản lý phát triển xã hội đảm bảo đất nước phát triển nhanh, bền vững: Kinh nghiệm quốc tế, những vấn đề của Việt Nam và định hướng đổi mới, hoàn thiện trong giai đoạn mới”, tr. 217-234, trong: Hội đồng Lý luận Trung ương (2019), *Niên giám khoa học năm 2018*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
  10. Phạm Quang Minh (Chủ nhiệm, 2020), *Kết quả nghiên cứu của đề tài “Quản lý phát triển xã hội ở nước ta: Thực trạng, vấn đề đặt ra và định hướng chính sách”*, Mã số: KX.04.15/16-20 thuộc Chương trình Chương trình: Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2016-2020, Mã số: KX.04/16-20 của Hội đồng Lý luận Trung ương.
  11. Root, Hilton L. (1995), *Managing Development Through Institution Building*, <https://www.adb.org/publications/managing-development-through-institution-building>, truy cập tháng 01/2018.
  12. TheWorldBank(2017), *Social Registries for Social Assistance and Beyond: A Guidance Note and Assessment Tool*, <https://www.worldbank.org/en/topic/socialprotection/publication/social-registries-for-social-assistance-and-beyond-a-guidance-note-and-assessment-tool>, truy cập tháng 01/2018.
  13. Tổng cục Thống kê (2018), *Tổng quan kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2018*, <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=382&idmid=2&ItemID=19041>, truy cập tháng 01/2019.